

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÙNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 70/2024/HS-ST
Ngày 30-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Quốc Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Xuân;

Bà Ngôn Thị Liêm.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa:**
Ông Nguyễn Ngọc Tịch - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 64/2024/TLST-HS ngày 05/7/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2024/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

Dương Văn T; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 23 tháng 3 năm 1999 tại huyện T, tỉnh Cao Bằng; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: xóm C, xã Q, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Con ông Dương Văn K, sinh năm 1976 và bà Đàm Thị T1, sinh năm 1978; Bị cáo là con cả trong gia đình có 02 anh em; Vợ, con: chưa có.

Tiền án: Ngày 16/6/2023, Dương Văn T bị Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xử phạt 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng về tội Trộm cắp tài sản.

Tiền sự: không có;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/4/2024 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng.

* **Người bị hại:** bà **Hoàng Thị M**, sinh năm 1938. Nơi cư trú: xóm C, xã Q, huyện T, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại: ông **Đặng Hoàng V**, sinh năm 1978, Nơi cư trú: xóm C, xã Q, huyện T, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* ông **Nông Văn H**, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Tổ dân phố I, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằ; vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

** Người làm chứng:*

+ Bà **Đặng Lê N**, sinh năm 2004, nơi cư trú: xóm C, xã Q, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

+ Ông **Phương Văn L**, sinh năm 1999, Nơi cư trú: xóm C, xã Q, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Tất cả vắng mặt không có lí do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 17/4/2024, Dương Văn T, sinh năm 1999, trú tại xóm C, xã Q, huyện T, tỉnh Cao Bằng đi bộ đến xóm C, xã Q, huyện T thì gặp anh Đặng Hoàng V, sinh năm 1978, trú tại xóm C, xã Q đang đứng trước cửa nhà của anh V. T hỏi anh V có mua bóng đèn năng lượng mặt trời không. Anh V đồng ý mua và thỏa thuận giá 500.000 đồng 01 bộ bóng đèn. Sau đó, T đi về nhà lấy 01 bộ bóng đèn năng lượng mặt trời đến nhà của anh V. Anh V dẫn T lên tầng 2 để lắp bóng đèn. Quá trình lắp bóng đèn, nhìn thấy 01 chiếc điện thoại đặt trên gối trên tấm đệm kê sát cửa ra vào tầng 2 nên T nảy sinh ý định trộm cắp. T cầm lấy chiếc điện thoại đút vào túi quần phía trước bên phải T đang mặc và tiếp tục lắp bóng đèn. Khi lắp xong, T nhận 500.000 đồng từ V rồi đi về nhà.

Chiều ngày 19/4/2024, T nhắn tin rủ Phương Văn L, sinh năm 1999, trú tại xóm C Tổ B chở T đến thị trấn T chơi. Trên đường đi, T nhờ Phương Văn L mang chiếc điện thoại trộm cắp được đi cầm cố với cửa hàng Đ ở tổ dân phố B, thị trấn T để lấy số tiền 600.000 đồng. L đồng ý và mang chiếc điện thoại Tuyên trộm cắp được đi cầm cố lấy 600.000 đồng rồi mang tiền về cho T. Sau khi nhận tiền từ Lạc, T nhờ một người tên T2 đi mua ma túy về cùng nhau sử dụng xong thì giải tán.

Ngày 20/4/2024, Công an xã Q, huyện T đã tạm giữ với anh Nông Văn H, sinh năm 1989, là chủ của hàng điện thoại Hà Vi 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A18 màu đen đã qua sử dụng có số IMEIL 1 866067062239191; số IMEIL 2 866067062239183. Chiếc điện thoại này do Phương Văn L mang đến cầm cố.

Ngày 23/4/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T có văn bản yêu cầu định giá tài sản. Tại Kết luận định giá tài sản số 26 ngày 26/4/2024 của Hội đồng Định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: Thời điểm định giá ngày 17/4/2024, 01 chiếc điện thoại OPPO A18 giá trị là 3.062.400 đồng.

Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A18 màu đen đã qua sử dụng có số IMEIL 1 866067062239191; số IMEIL 2 866067062239183 là tài sản của bị hại Hoàng Thị M. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại cho chủ sở hữu.

Cáo trạng số 66/CT - VKSTK ngày 03 tháng 7 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh đã truy tố bị cáo Dương Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa:

Bị cáo xác nhận cáo trạng phản ánh đúng diễn biến hành vi phạm tội của mình và không khai thêm nội dung gì khác. Nay biết hành vi của mình là sai mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại và người đại diện theo ủy quyền của bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn thể hiện rõ tài sản bị mất đã được cơ quan điều tra trả lại, nay không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại, về trách nhiệm hình sự đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được lấy lời khai tại cơ quan điều tra và có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn xin xét xử vắng mặt thể hiện rõ không có yêu cầu gì về bồi thường thiệt hại.

Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 56 Bộ luật Hình sự. Đề nghị tuyên xử: Xử phạt bị cáo Dương Văn T từ 9 đến 12 tháng tù; Tổng hợp hình phạt với Bản án số 99/2024/HS-ST ngày 16/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đã xử phạt bị cáo Dương Văn T 08 tháng tù về tội trộm cắp tài sản nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 04 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án; thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày tạm giữ 20/4/2024.

Về trách nhiệm dân sự và vật chứng: Do tài sản đã được thu hồi và trả lại cho người bị hại; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền mà người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã mua tài sản với bị cáo. Do đó, về trách nhiệm dân sự không có yêu cầu nên không xem xét. Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về các yếu tố cấu thành tội phạm: Qua quá trình xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng về thời gian, địa điểm mất tài sản, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nên đủ căn cứ để Hội đồng xét xử kết luận: Quá trình lắp bóng đèn, nhìn thấy 01 chiếc điện thoại đặt trên gối trên tấm đệm kê sát cửa ra vào tầng 2 nên T nảy sinh ý định trộm cắp. T cầm lấy chiếc điện thoại đút vào túi quần phía trước bên phải T đang mặc và tiếp tục lắp bóng đèn. Khi lắp xong, T nhận 500.000 đồng từ V rồi đi về nhà. Mục đích để bán lấy tiền mua ma túy về sử dụng.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có ý thức che giấu, lén lút, lợi dụng lúc tài sản đang không có người trông coi để trộm cắp tài sản. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đã gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự xã hội ở địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo nhận thức được việc làm của mình là sai, trái pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện với lỗi cố ý. Giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 3.062.400 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo đã có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện đã truy tố và đề nghị mức án đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình; Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống trong vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần được áp dụng khi lượng hình. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội trong trường hợp tái phạm nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra bị cáo phạm tội trong thời gian thử thách khi đang chấp hành bản án cho hưởng án treo. Nên cần tổng hợp hình phạt với Bản án số 99/2023/HS-ST ngày 16/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đã xử phạt bị cáo Dương Văn T 08 tháng tù về tội trộm cắp tài sản nhưng cho hưởng án treo,

thời gian thử thách 01 năm 04 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù chung của cả 02 bản án. Hình phạt tù sẽ được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam trong bản án cho hưởng án treo.

Xét về tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo phạm tội trong trường hợp tái phạm và trong thời gian thử thách, bị cáo là người nghiện ma túy nên có nhân thân xấu. Vì vậy, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và đề phòng ngừa chung. Căn cứ tính chất mức độ thực hiện hành vi phạm tội và nhân thân cần có mức án nghiêm minh đối với bị cáo để răn đe bị cáo cũng như phòng ngừa chung. Xét thấy mức án mà Kiểm sát viên đề nghị phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4]. Về vật chứng: Qua điều tra xét thấy không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện đã trả lại cho chủ sở hữu là có căn cứ.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Tài sản đã được thu hồi và trả lại cho người bị hại, bị hại không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền mà người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã bỏ ra mua tài sản của bị cáo trộm cắp. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, sau này nếu các bên có yêu cầu sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

[6]. Về án phí: Bị cáo là người bị kết tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là người không có công việc, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là có căn cứ.

[8]. Đối với Nông Văn H đã bỏ tiền để cầm cố tài sản với người tên là Phương Văn L được bị cáo nhờ mang điện đi cầm cố với số tiền 600.000 đồng, nhưng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã làm rõ được anh H không biết tài sản bị cáo đem cầm cố là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có. Nên cơ quan điều tra không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nông Văn H là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 56 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Dương Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Dương Văn T 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Tổng hợp hình phạt với Bản án số 99/2023/HS-ST ngày 16/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đã xử phạt bị cáo Dương Văn T 08 tháng tù về tội trộm cắp tài sản nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 04 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 Bản án là 20 tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ 20/4/2024. Được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam trong Bản án số 99/2023/HS-ST ngày 16/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang từ ngày 23/02/2023 đến ngày 03/3/2023.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Dương Văn T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo liên quan đến phần quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Sở tư pháp;
- Trại tạm giam CA tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Q (bằng TB);
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nông Quốc Hùng

